

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 08 - 10 - 2019.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Ông Nguyễn Văn Doanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/9/2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H, sinh năm: 1991.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà 157, ô 1, tổ 1, thị trấn L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/7/2019 và bản tự khai, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn T kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận. Đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Từ tháng 7 năm 2017 đến nay, vợ chồng không thể chung sống hòa thuận với nhau được, chị đề nghị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 02/7/2014. Hiện nay cháu L đang ở với chị H. Về con chung chị đề nghị được nuôi cháu Trần Khánh L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Lưu Thị M (mẹ đẻ anh Trần Văn T) ngày 06 tháng 9 năm 2019 trình bày:

Anh Trần Văn T biết việc chị Bùi Thị H có đơn xin ly hôn anh; gia đình bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà đã thông báo cho anh T biết về việc Tòa án đã gửi cho anh các giấy tờ trên nhưng do bận công việc và vì lý do gia đình theo đạo Thiên chúa giáo nên không đến Tòa án để giải quyết.

Về tình cảm vợ chồng: Bà M xác nhận quá trình chung sống vợ chồng anh T chị H có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay. Về việc chị H xin ly hôn, anh T có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 02/7/2014. Hiện nay cháu L đang ở với chị H. Nếu phải ly hôn anh T đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Khánh L và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Anh chị không có tài sản chung, không nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án đã hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H và anh T sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 và Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bùi Thị H.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị H. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS. Tòa án đã hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn T kết hôn ngày 26 tháng 10 năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2014 cho đến nay, xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa; Yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX thấy: Vợ chồng có một con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 02/7/2014. Hiện nay cháu L đang ở với chị H, chị có đề nghị được nuôi cháu L. Do anh T vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo nhiều lần nhưng anh T không có văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi con chung mà chỉ trao đổi với bà M về việc đề nghị được nuôi cháu L nên không có căn cứ để xem xét. Chị H có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Khánh L và không yêu cầu anh T cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị H có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Trần Khánh L, sinh ngày 02/7/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn ; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/05055 ngày 03/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị H phải nộp. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị H, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Bùi Văn Dũng**